

quận 9.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về cấm và hạn chế xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba,
bốn bánh lưu thông trong khu vực nội đô và trên các quốc lộ
thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về một số giải pháp nhằm kiềm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2008/NQ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2008;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 21/TTr-SGTVT ngày 23 tháng 4 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cấm và hạn chế xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh lưu thông trong khu vực nội đô và trên các quốc lộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và bãi bỏ Quyết định số 1413/QĐ-UB ngày 04 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản khác có nội dung trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về cấm và hạn chế xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba,
bốn bánh lưu thông trong khu vực nội đô và trên các quốc lộ
thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về cấm và hạn chế xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh lưu thông trong khu vực nội đô và trên các quốc lộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Các loại xe bị cấm lưu thông

1. Xe cơ giới ba bánh tự chế, không có đăng ký;
2. Xe thô sơ ba, bốn bánh tự chế, không có đăng ký.

Điều 3. Xe do thương binh, người tàn tật sử dụng được phép lưu thông

Xe làm phương tiện đi lại của thương binh, người tàn tật đã được đăng kiểm theo Quyết định số 62/2007/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và đăng ký, cấp biển số theo Thông tư số 32/2007/TTLT-BCA-BGT ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Liên Bộ Công an - Giao thông vận tải.

Điều 4. Xe chuyên dùng thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường được phép lưu thông hạn chế

Khi tham gia giao thông, các xe cơ giới ba bánh thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường, đã được đăng ký, cấp biển số tại Công an quận - huyện phải có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực do Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới cấp theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và của Bộ Giao thông vận tải; riêng xe thô sơ ba, bốn bánh tham gia thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường hiện hành, không được phép lưu thông trong giờ cao điểm sáng từ 06 giờ 00 đến 08 giờ 00 và giờ cao điểm chiều từ 16 giờ 00 đến 19 giờ 00 hàng ngày.

Điều 5. Điều kiện, phạm vi lưu thông của các loại xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh có đăng ký

1. Khi tham gia giao thông, các loại xe cơ giới ba bánh đã đăng ký, cấp biển số tại cơ quan Công an, phải có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực do Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới cấp theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và của Bộ Giao thông vận tải; các xe thô sơ ba, bốn bánh đã đăng ký, cấp biển số tại Sở Giao thông vận tải.

2. Cấm các loại xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh lưu thông trên 60 đoạn đường có tên ghi trong Phụ lục đính kèm Quyết định này.

3. Thời gian và phạm vi hạn chế lưu thông đối với các loại xe cơ giới ba bánh và xe thô sơ ba, bốn bánh có đăng ký:

- Không được phép lưu thông trong khu vực nội đô thành phố có giới hạn được mô tả tại Điều 6 bản Quy định này, thời gian từ 05 giờ 00 đến 13 giờ 00 và từ 16 giờ 00 đến 22 giờ 00 trong ngày.

- Không được phép lưu thông trong các giờ cao điểm buổi sáng từ 06 giờ 00 đến 08 giờ 00 và buổi chiều từ 16 giờ 00 đến 19 giờ 00 hàng ngày trên các tuyến quốc lộ, tuyến đường hạn chế lưu thông có tên ghi tại Điều 7 bản Quy định này.

Điều 6. Giới hạn khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh

Khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh được giới hạn trên các tuyến vành đai và bên trong các tuyến vành đai như sau:

Đường Tôn Đức Thắng (quận 1) - Đường Lê Thánh Tôn (quận 1) - Đường Nguyễn Hữu Cảnh (quận Bình Thạnh) - Đường Ung Văn Khiêm (quận Bình Thạnh) - Quốc lộ 13 (quận Bình Thạnh) - Đường Đinh Bộ Lĩnh (quận Bình Thạnh) - Đường Nguyễn Xí (quận Bình Thạnh) - Đường Nơ Trang Long (quận Bình Thạnh) - Đường Bình Lợi (quận Bình Thạnh) - Đường Lương Ngọc Quyến (quận Gò Vấp) - Đường Nguyễn Văn Nghi (quận Gò Vấp) - Đường Quang Trung (quận Gò Vấp) - Đường Phan Huy Ích (quận Gò Vấp) - Đường Trường Chinh (quận Tân Phú - quận Tân Bình) - Đường Âu Cơ (quận Tân Phú - quận Tân Bình) - Đường Lũy Bán Bích (quận Tân Phú) - Đường Tân Hóa (quận 11) - Đường Hùng Vương và vòng xoay Phú Lâm - Đường Nguyễn Văn Luông (quận 6) - Đường Hậu Giang (quận 6) - Đường Bến Lò Gốm (quận 6) - Đường Trần Văn Kiêu (quận 5 - quận 6) - Đường Bến Hàm Tử (quận 5) - Đường Bến Chương Dương (quận 1) - Đường Nguyễn Tất Thành (quận 4) - Đường Tôn Thất Thuyết (quận 4) - Đường Bến Vân Đồn (quận 4).

Điều 7. Các quốc lộ và tuyến đường quy định hạn chế lưu thông

- Xa lộ Hà Nội (Quốc lộ 52): từ cầu Sài Gòn đến cầu vượt Trạm 2 - Khu Công nghệ cao;
- Quốc lộ 1A: từ ranh giới giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương đến ranh giới giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An (trong đó có một phần Xa lộ Đại Hàn cũ);
- Quốc lộ 1K: từ cầu vượt Linh Xuân đến ranh giới giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai;
- Quốc lộ 13: từ cầu Bình Triệu 1, 2 đến cầu Vĩnh Bình;
- Quốc lộ 22: từ cầu vượt An Sương đến ranh giới giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh;
- Quốc lộ 50: từ nút giao Đại lộ Nguyễn Văn Linh đến ranh giới giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An;
- Đường Nguyễn Văn Linh (từ giao lộ Quốc lộ 1A + đường Nguyễn Văn Linh đến giao lộ đường Nguyễn Văn Linh + đường Huỳnh Tấn Phát);
- Đường Nguyễn Lương Bằng từ đường số 9, phường Tân Phú (Bệnh viện Tâm Đức) cho đến cầu Ông Đội thuộc phường Tân Phú, quận 7.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ nội dung Quy định này, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, tùy chức năng và nhiệm vụ, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện.
2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn mẫu của các phương tiện cơ giới và xe thô sơ ba, bốn bánh tham gia thu gom rác thải phục vụ vệ sinh môi trường.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở - ngành và các đơn vị có liên quan đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CẮM LƯU THÔNG
CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI BA BÁNH VÀ XE THÔ SƠ BA, BỐN BÁNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Số TT	Tên đường	Lý trình	
		Từ	Đến
01	Bà Huyện Thanh Quan	Điện Biên Phủ	Nguyễn Thị Minh Khai
02	Cách Mạng Tháng 8	Lý Tự Trọng	Điện Biên Phủ
03	CT Quách Thị Trang		
04	CT Công Xã Pa-ri		
05	Điện Biên Phủ	Cách Mạng Tháng 8	Hai Bà Trưng
06	Đồng Khởi	Nguyễn Du	Tôn Đức Thắng
07	Đặng Trần Côn	Lý Tự Trọng	Nguyễn Du
08	Đông Du	Đồng Khởi	Hai Bà Trưng
09	Hàm Nghi	Tôn Đức Thắng	QT Quách Thị Trang
10	Hồ Tùng Mậu	Hàm Nghi	Tôn Thất Thiệp
11	Hồ Xuân Hương	Cách Mạng Tháng 8	Trương Định
12	Hồ Huân Nghiệp	CT Mê Linh	Đồng Khởi
13	Hải Triều	Nguyễn Huệ	Hồ Tùng Mậu
14	Huyền Trân Công Chúa	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Du
15	Huỳnh Thúc Kháng	QT Quách Thị Trang	Nguyễn Huệ
16	Hai Bà Trưng	Điện Biên Phủ	Tôn Đức Thắng
17	Phan Chu Trinh	QT Quách Thị Trang	Lê Thánh Tôn
18	Phan Bội Châu	Lê Thánh Tôn	QT Quách Thị Trang
19	Pasteur	Điện Biên Phủ	Hàm Nghi
20	Phạm Ngọc Thạch	Điện Biên Phủ	Trần Cao Vân
21	Phạm Ngũ Lão	QT Quách Thị Trang	Nguyễn Thị Nghĩa

Số TT	Tên đường	Lý trình	
		Từ	Đến
22	Phạm Hồng Thái	Lê Lai	Cách Mạng Tháng 8
23	Phạm Đình Toái	Cách Mạng Tháng 8	Nguyễn Thông
24	Nguyễn Thị Nghĩa	Phạm Ngũ Lão	Lý Tự Trọng
25	Nguyễn Huệ	Lê Thánh Tôn	Tôn Đức Thắng
26	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Du	Lê Lợi
27	Nguyễn Thị Minh Khai	Cách Mạng Tháng 8	Hai Bà Trưng
28	Nguyễn An Ninh	Trương Định	Phan Chu Trinh
29	Nguyễn Văn Chiêm	Hai Bà Trưng	Phạm Ngọc Thạch
30	Nguyễn Hậu	Hai Bà Trưng	CT Công Xã Pa-ri
31	Nguyễn Du	Cách Mạng Tháng 8	Hai Bà Trưng
32	Nguyễn Thị Diệu	Cách Mạng Tháng 8	Trương Định
33	Nguyễn Đình Chiểu	Cách Mạng Tháng 8	Hai Bà Trưng
34	Nguyễn Thông	Điện Biên Phủ	Hồ Xuân Hương
35	Nguyễn Gia Thiều	Ngô Thời Nhiệm	Nguyễn Đình Chiểu
36	Nguyễn Văn Trỗi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cộng Hòa
37	Nguyễn Văn Thủ	Hai Bà Trưng	Nguyễn Bình Khiêm
38	Ngô Đức Kế	Hồ Tùng Mậu	CT Mê Linh
39	Ngô Thời Nhiệm	Cách Mạng Tháng 8	Nam Kỳ Khởi Nghĩa
40	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Nguyễn Văn Trỗi	Hàm Nghi
41	Mạc Thị Bưởi	Hai Bà Trưng	Nguyễn Huệ
42	Lê Lai	QT Quách Thị Trang	Nguyễn Thị Nghĩa
43	Lê Lợi	QT Quách Thị Trang	Đồng Khởi
44	Lê Duẩn	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hai Bà Trưng
45	Lê Thánh Tôn	Hai Bà Trưng	Phạm Hồng Thái
46	Lê Văn Hưu	Lê Duẩn	Nguyễn Du
47	Lê Anh Xuân	Phạm Hồng Thái	Lý Tự Trọng
48	Lê Ngô Cát	Ngô Thời Nhiệm	Điện Biên Phủ

Số TT	Tên đường	Lý trình	
		Từ	Đến
49	Lê Quý Đôn	Điện Biên Phủ	Nguyễn Thị Minh Khai
50	Lý Tự Trọng	Cách Mạng Tháng 8	Hai Bà Trưng
51	Lưu Văn Lang	Phan Bội Châu	Nguyễn Trung Trực
52	Tôn Đức Thắng	Hai Bà Trưng	Hàm Nghi
53	Tôn Thất Đạm	Hàm Nghi	Tôn Thất Thiệp
54	Tôn Thất Thiệp	Nguyễn Huệ	Pasteur
55	Thủ Khoa Huân	Nguyễn Du	Lê Thánh Tôn
56	Trương Định	Lê Lai	Điện Biên Phủ
57	Trần Quốc Thảo	Điện Biên Phủ	Võ Văn Tần
58	Trần Hưng Đạo	Hàm Nghi	Học Lạc
59	Trần Cao Vân	Hai Bà Trưng	Phạm Ngọc Thạch
60	Võ Văn Tần	Phạm Ngọc Thạch	Cách Mạng Tháng 8

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2009/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 13 tháng 5 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định về trình tự, thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường và xác nhận hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận của các đơn vị trên địa bàn quận 7”

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 341/TTr-TNMT-MT ngày 09 tháng 3 năm 2009 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục xác nhận đề án

bảo vệ môi trường và xác nhận hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận của các đơn vị trên địa bàn quận 7,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quy định về trình tự, thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường và xác nhận hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận của các đơn vị trên địa bàn quận 7 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận kèm theo văn bản hướng dẫn thành phần hồ sơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau bảy (07) ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân thực hiện Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Thị Kim Em

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về trình tự, thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường và xác nhận hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận trên địa bàn quận 7

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận)

I. Quy định chung:

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

1.1. Phạm vi:

Các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi chung là cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 21/2008/NĐ-CP), trừ các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất và quy mô tương ứng với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đang hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

1.2. Đối tượng:

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến những nội dung quy định tại điểm 1 Mục này.

2. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:

Khi lập đề án bảo vệ môi trường, tổ chức, cá nhân phải áp dụng các tiêu chuẩn,

quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường và các quy định khác trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

II. Trình tự, thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường:

1. Hồ sơ đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường:

- Một (01) văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

- Ba (03) bản đề án bảo vệ môi trường được đóng thành quyển theo mẫu trang bìa và phụ bìa quy định tại Phụ lục 2, 3 kèm theo Quy định này, có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của tổ chức, cá nhân và đóng dấu ở trang phụ bìa.

- Một (01) bản sao của một trong các loại: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép hoạt động khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Một (01) bản sao Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

2. Xác nhận đề án bảo vệ môi trường:

2.1. Thẩm quyền xác nhận:

Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đối với các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn trừ các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất và quy mô tương ứng với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Khu Chế xuất thành phố (gọi là Hepza) được phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đang hoạt động trong Khu Chế xuất Tân Thuận.

2.2. Trình tự, thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường:

a) Trình tự giải quyết:

- Các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nộp hồ sơ tại Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, nhận biên nhận hồ sơ đúng tên người nộp (có giấy giới thiệu của đơn vị).

- Văn phòng Ủy ban nhân dân quận chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường phân công cán bộ thụ lý kiểm tra hồ sơ pháp lý.

- Thành lập đoàn kiểm tra thực tế tại các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Tiến hành kiểm tra thực tế, lấy và phân tích mẫu chất thải (nếu có).

- Đề xuất hướng giải quyết, trình Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường ký.

- Tổ Văn phòng trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhập sổ, photo, đóng dấu và chuyển hồ sơ đến Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

- Đúng thời gian ghi trên biên nhận, chủ đơn vị đến nhận lại hồ sơ tại Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ.

b) Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Đại diện Ủy ban nhân dân phường.

- Và một số chuyên gia về môi trường (nếu có).

c) Thời gian giải quyết:

Thời hạn xác nhận đề án bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân tối đa là *mười lăm (15) ngày làm việc*, trường hợp phải lấy mẫu phân tích kiểm chứng thì thời hạn tối đa không quá *hai mươi (20) ngày làm việc*. Đối với trường hợp đề án bảo vệ môi trường phải lấy ý kiến theo quy định tại điểm 2 khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 21/2008/NĐ-CP, thời hạn xác nhận được cộng thêm năm (05) ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc cần bổ sung thì trong *thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ*, Ủy ban nhân dân quận sẽ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để điều chỉnh hoặc bổ sung hồ sơ.

Trong đó:

- Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận tiếp nhận và chuyển hồ sơ vào Phòng Tài nguyên và Môi trường: 01 ngày.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có ý kiến đề xuất: 13 ngày.

- Chuyển Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ để lưu trữ và trả hồ sơ cho đơn vị: 01 ngày.

III. Trình tự, thủ tục xác nhận hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận:

1. Trách nhiệm thực hiện đề án bảo vệ môi trường của chủ cơ sở và khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Sau khi Đề án bảo vệ môi trường được xác nhận, tổ chức, cá nhân phải nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường và văn bản xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 7. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường **chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2009**. Trong thời gian thực hiện các nội dung và yêu cầu của Đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, tổ chức, cá nhân phải có biện pháp hạn chế nhằm giảm phát thải các chất gây ô nhiễm ra ngoài môi trường. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; gây ô nhiễm, suy thoái môi trường hoặc làm thiệt hại về kinh tế và môi trường, phải có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Sau khi hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc, tổ chức, cá nhân phải có văn bản báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 7 về các nội dung đã hoàn thành để được kiểm tra, xác nhận.

2. Thành phần hồ sơ:

- Một (01) văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận hoàn thành đề án bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này.

- Ba (03) báo cáo việc hoàn thành các nội dung và yêu cầu của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt hoặc xác nhận được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Quy định này.

- Ba (03) bộ kết quả phân tích mẫu chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải do tổ chức, cá nhân thực hiện quan trắc và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của kết quả phân tích mẫu chất thải.

3. Trình tự thủ tục xác nhận hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận:

3.1. Thẩm quyền xác nhận:

Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét xác nhận việc hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận.

3.2. Trình tự, thủ tục xác nhận hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận:

a) Trình tự giải quyết:

- Các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nộp hồ sơ tại Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, nhận biên nhận hồ sơ đúng tên người nộp (có giấy giới thiệu của đơn vị).

- Văn phòng Ủy ban nhân dân quận chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường phân công cán bộ thụ lý kiểm tra hồ sơ pháp lý.

- Thành lập đoàn kiểm tra thực tế tại các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Tiến hành kiểm tra thực tế, lấy và phân tích mẫu chất thải (nếu có).

- Đề xuất hướng giải quyết, trình Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường ký.

- Tổ Văn phòng trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhập sổ, photo, đóng dấu và chuyển tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân.

- Đúng thời gian ghi trên biên nhận, chủ đơn vị đến nhận lại hồ sơ tại Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ.

b) Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Đại diện Ủy ban nhân dân phường.

- Và một số chuyên gia về môi trường (nếu có).

c) Thời gian giải quyết:

Thời hạn xác nhận đề án bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân tối đa là *mười lăm (15) ngày làm việc*, trường hợp phải lấy mẫu phân tích kiểm chứng thì thời hạn tối đa không quá *hai mươi (20) ngày làm việc*. Đối với trường hợp Đề án bảo vệ môi trường phải lấy ý kiến theo quy định tại điểm 2 khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 21/2008/NĐ-CP, thời hạn xác nhận được cộng thêm năm (05) ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc cần bổ sung thì trong *thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ*, Phòng Tài nguyên và Môi trường sẽ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để điều chỉnh hoặc bổ sung hồ sơ.

Trong đó:

- Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận tiếp nhận và chuyển hồ sơ vào Phòng Tài nguyên và Môi trường: 01 ngày.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có ý kiến đề xuất: 13 ngày.

- Chuyển Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ để lưu trữ và trả hồ sơ cho đơn vị: 01 ngày.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Giao Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thẩm định, kiểm tra các nội dung hồ sơ theo quy định và ra văn bản giải quyết.

2. Đối với các vấn đề liên quan đến phạm vi quản lý của các Sở, ngành, phòng, ban chuyên môn, Phòng Tài nguyên và Môi trường có văn bản xác minh ý kiến của các đơn vị nêu trên về các quy định chuyên ngành liên quan trước khi giải quyết.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị có ý kiến, các đơn vị được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Phòng Tài nguyên và Môi trường. Quá thời hạn nêu trên nếu không có văn bản trả lời thì xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả xảy ra do việc không trả lời hoặc trả lời chậm trễ.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ vào Quy trình này thực hiện đúng quy định. Trong quá trình thực hiện Quy trình sẽ được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng giai đoạn thời gian. Việc sửa đổi, bổ sung do Thường trực Ủy ban nhân dân quận xem xét quyết định./

(Đính kèm các phụ lục)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Thị Kim Em

Phụ lục 1**CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÌNH CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN XÁC NHẬN**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

Chương 1: Sơ lược về tình hình hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung**1. Các thông tin chung:**

Nêu chi tiết: Tên cơ sở; Địa chỉ; tọa độ địa lý; Số điện thoại, Fax; Cơ quan chủ quản; Loại hình doanh nghiệp (Nhà nước, tư nhân, nước ngoài, liên doanh...).

2. Tóm tắt quá trình và hiện trạng hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Mô tả chi tiết các nội dung liên quan đến: Loại hình sản xuất; Công nghệ sản xuất; Tình trạng thiết bị hiện nay (công nghệ mới, cũ, lạc hậu...); Hóa chất sử dụng (chủng loại, khối lượng...); Nguyên, vật liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng); Nhiên liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng); Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng (nước giếng khoan, nước bề mặt, nước máy,... m³/ngày); Sản phẩm và công suất hoạt động/công suất thiết kế; Năm đơn vị đi vào hoạt động; Diện tích mặt bằng sản xuất, sơ đồ vị trí; Số lượng cán bộ, công nhân viên sản xuất; Các thông tin khác (nếu có).

Chương 2: Thống kê, đánh giá các nguồn thải chính phát sinh từ hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Việc đo đạc, phân tích mẫu chất thải để lập Đề án bảo vệ môi trường phải tuân thủ quy trình và quy phạm quan trắc, phân tích môi trường và do đơn vị có chức năng và có phòng thí nghiệm môi trường thực hiện. Đối với các địa phương có phòng thí nghiệm môi trường đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế theo ISO/IEC 17025, VILAS hoặc QUARCT thì sử dụng các phòng thí nghiệm này để đảm bảo tính chính xác của số liệu quan trắc.

1. Đối với nước thải:

Nêu chi tiết về hiện trạng xả, thải: lượng nước thải (m^3 /ngày), nguồn phát sinh, nguồn tiếp nhận nước thải, hệ thống xử lý nước thải (quy trình công nghệ, công suất thiết kế...), kết quả phân tích mẫu nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường. Nếu cơ sở thải nước thải vào ao, hồ không chống thấm trong khuôn viên hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì lấy mẫu nước thải trước khi xả vào ao hồ đó để đánh giá mức độ ô nhiễm của nguồn thải. Đồng thời lấy mẫu tại các ao, hồ tiếp nhận nước thải đó để đánh giá mức độ gây ô nhiễm đối với môi trường của nguồn thải.

2. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại:

Thống kê đầy đủ các loại chất thải gồm:

- Các loại chất thải rắn: chủng loại, khối lượng; công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; đơn vị thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; các biện pháp xử lý chất thải rắn (nếu có).

- Các loại chất thải nguy hại: chủng loại, số lượng; công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; đơn vị thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; các biện pháp xử lý khác (nếu có).

3. Đối với khí thải, tiếng ồn và độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn và các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.

- Các nguồn phát sinh khí thải và các biện pháp xử lý khí thải.

Kết quả phân tích nồng độ các thông số ô nhiễm trong khí thải, chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

4. Các nguồn thải khác (nếu có)

Việc đánh giá kết quả phân tích mẫu chất thải, môi trường quy định tại các mục 1, 2, 3 và 4 Chương 4 đối với cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng.

Chương 3: Các giải pháp tổng thể, các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và kế hoạch thực hiện

1. Các biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện

2. Các biện pháp bảo vệ môi trường còn tồn tại, chưa thực hiện trong quá trình hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nếu có).

3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường sẽ thực hiện bổ sung và kế hoạch xây lắp hoặc lắp đặt công trình xử lý đó (nếu có hoặc phát sinh chất thải gây ô nhiễm):

3.1. Hệ thống xử lý nước thải (có thiết kế hệ thống xử lý nước thải hoặc thiết bị, công trình hợp khối để xử lý nước thải nhằm đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường và kế hoạch thi công, lắp đặt công trình xử lý nước thải);

3.2. Hệ thống xử lý khí thải (có thiết kế hệ thống xử lý khí thải hoặc thiết bị, công trình hợp khối để xử lý khí thải nhằm đảm bảo quy chuẩn môi trường cho phép và kế hoạch thi công, lắp đặt công trình xử lý khí thải);

3.3. Biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế và chất thải nguy hại. Kế hoạch thực hiện quản lý chất thải rắn (theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn) và chất thải nguy hại (theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

3.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (có thiết kế hệ thống giảm thiểu tiếng ồn, độ rung hoặc thiết bị, công trình hợp khối để giảm thiểu tiếng ồn độ rung và kế hoạch thực hiện; các trang bị bảo hộ lao động...);

3.5. Kế hoạch ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, đặc biệt là sự cố tràn dầu nếu có (theo quy định tại Quyết định số 103/2005/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó dầu tràn).

3.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường:

Tùy theo quy mô, loại hình sản xuất của cơ sở/khu sản xuất: kinh doanh, dịch vụ tập trung, chương trình quản lý môi trường sẽ được điều chỉnh cho phù hợp, cụ thể:

4.1. Chương trình quản lý môi trường:

Đề ra một chương trình nhằm quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, bao gồm: tổ chức và nhân sự cho quản lý môi trường; quản lý chất thải kể cả chất thải nguy hại; phòng, chống sự cố môi trường (trừ nội dung về phòng cháy, chữa cháy sẽ làm riêng theo pháp luật về phòng cháy, chữa cháy); và các nội dung quản lý môi trường khác có liên quan.

4.2. Chương trình giám sát môi trường:

a) *Giám sát chất thải*: đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 03 (ba) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc khai báo các thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình.

Đối với các khu (cụm) công nghiệp; các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có phát sinh nguồn nước thải, khí thải lớn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao cần xây dựng kế hoạch và lộ trình lắp đặt thiết bị đo lưu lượng và quan trắc tự động, liên tục một số thông số ô nhiễm đặc trưng trong chất thải (đối với nước thải có lưu lượng thải từ 50 m³/ngày trở lên và khí thải từ 20.000 m³/h trở lên).

b) *Giám sát môi trường xung quanh*: chỉ phải giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng liên quan đến hoạt động của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của Việt Nam trong trường hợp tại khu vực thực hiện dự án không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

c) *Giám sát khác*: chỉ phải giám sát các yếu tố: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển, bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển, thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; và các nguồn gây tác động khác (nếu có) trong trường hợp tại khu vực hoạt động không có các trạm, điểm giám sát chung của cơ quan nhà nước, với tần suất phù hợp nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các yếu tố này. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

4.3. Chế độ báo cáo:

Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường và kết quả giám sát môi trường được lưu giữ tại cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và định kỳ gửi báo cáo về cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát. Tần suất báo cáo tối thiểu là 02 lần/năm (trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm).

5. Cam kết thực hiện đề án bảo vệ môi trường (nội dung bắt buộc):

Chủ cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án đưa trình. Các công việc nêu trên chúng tôi sẽ hoàn thành theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

(địa danh), ngày tháng năm 2008

**Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)**

Phụ lục 2**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT, XÁC NHẬN
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

... (1).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị phê duyệt đề án
bảo vệ môi trường của “....(2)...”

(Địa danh), ngàytháng năm

Kính gửi: ...(3)...

Chúng tôi là: (1)....., Chủ cơ sở/ khu (2)

- Địa điểm hoạt động:

- Địa chỉ liên hệ:

- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

Xin gửi đến quý (3) những hồ sơ sau:

- Đề án bảo vệ môi trường (số lượng bản Đề án bằng tiếng Việt được quy định tại mục 2, phần II, Thông tư này);

- 01 (một) bản sao: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/hoặc giấy phép đầu tư/hoặc giấy chứng nhận đầu tư/hoặc giấy phép hoạt động khác;

- Các hồ sơ, báo cáo nghiên cứu khả thi, dự án đầu tư có liên quan (nếu có).

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: cơ sở/khu của chúng tôi không sử dụng các loại hoá chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và theo quy định của các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là hoàn toàn đúng sự thực và đang còn hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị (3) phê duyệt/xác nhận đề án bảo vệ môi trường cho cơ sở/khu sản xuất kinh doanh và dịch vụ của chúng tôi.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu

..... (4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- (3) Cơ quan xem xét, phê duyệt hoặc xác nhận đề án BVMT;
- (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức hoặc cá nhân quản lý cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Phụ lục 3**MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ, IN HOA, KHÔNG ĐẬM)
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRỰC TIẾP QUẢN LÝ (IN HOA, ĐẬM)

ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA “CƠ SỞ/ KHU SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ”

Chủ cơ sở / khu SX, KD, DV(*)

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Cơ quan tư vấn (*)

(nếu có)

(Thủ trưởng cơ quan ký,
ghi họ tên, đóng dấu)

(Địa danh), tháng năm 200.....

Ghi chú: (*) chỉ thể hiện ở trang phụ bì.

Phụ lục 4**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÁC NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT/XÁC NHẬN**

(Kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường)

..... (1)
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị xác nhận hoàn thành các nội dung đề án bảo vệ môi trường của “(2)”

(Địa danh), ngày ... tháng năm

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: ... (1), Chủ cơ sở/ khu ... (2) ...

- Địa điểm hoạt động:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: Fax:; E-mail:

Xin gửi đến quý (3) những hồ sơ sau:

a) Ba (03) báo cáo việc hoàn thành các nội dung và yêu cầu của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận.

b) Ba (03) bộ kết quả phân tích mẫu chất thải sau xử lý.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của kết quả phân tích mẫu chất thải, môi trường và các số liệu, tài liệu trong các văn bản đưa trình và cam kết rằng: cơ sở/khu của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các quy định khác được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ của chúng tôi là hoàn toàn đúng sự thực và đang còn hiệu lực áp dụng.

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, pháp lý của hồ sơ. Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị ... (3) ... kiểm tra, xác nhận đề án bảo vệ môi trường cho cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của chúng tôi.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu

..... (4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- (3) Cơ quan xem xét, phê duyệt hoặc xác nhận đề án BVMT;
- (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức hoặc cá nhân quản lý cơ sở hoặc khu sản xuất: kinh doanh, dịch vụ.

Phụ lục 5**MẪU BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THÀNH CÁC NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC PHÊ DUYỆT/XÁC NHẬN**

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Quận 7, ngày ... tháng năm

BÁO CÁO**Về việc hoàn thành các nội dung và yêu cầu của đề án
bảo vệ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận**

của "... (2) ..."

1. Tên cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ tập trung:

Địa điểm hoạt động:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax:; E-mail:

2. Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ quan (nếu có):

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax:; E-mail:

3. Tên cơ quan được thuê đo đạc, phân tích về môi trường: (nếu có)

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax:; E-mail:

4. Thời gian tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu:**5. Thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng****6. Kết quả vận hành các công trình xử lý về môi trường****6.1. Công trình xử lý chất thải khí** (trình bày theo mẫu bảng dưới đây):**6.2. Công trình xử lý chất thải lỏng** (trình bày theo mẫu bảng dưới đây):

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích (**); Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn đối chiếu	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Hàm lượng thải đối với những thông số ô nhiễm đặc trưng (*) cho Dự án		
		Thông số A (Đơn vị tính)	Thông số B (Đơn vị tính)	V.V...
Lần 1				
Lần 2				
Lần 3				
TCVN/QCVN.....				

Ghi chú:

(*) Thông số ô nhiễm đặc trưng được thải ra từ hoạt động của cơ sở/ khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ tập trung (theo TCVN bắt buộc áp dụng hoặc QCVN tương ứng).

(**) Số lần đo đạc, lấy mẫu tối thiểu là 03 (ba) lần vào những khoảng thời gian khác nhau trong điều kiện hoạt động bình thường để bảo đảm xem xét, đánh giá về tính đại diện và ổn định của chất thải.

6.3. Quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

Kết quả được trình bày dựa theo các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế và chất thải rắn nguy hại (Chất thải nguy hại thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

6.4. Các công trình xử lý môi trường khác (nếu có)**7. Kết quả thực hiện các nội dung khác về bảo vệ môi trường**

(Kết quả được trình bày dựa theo những nội dung về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận)

8. Cam kết

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- (3)
-
- Lưu

..... (4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ;
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.
- (3) Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận đề án bảo vệ môi trường;
- (4) Chủ cơ sở/khu sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2009/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 13 tháng 5 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục lập, đăng ký
và xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường trên địa bàn quận 7**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 373/TTr-TNMT-MT ngày 16 tháng 3 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục lập, đăng ký xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường trên địa bàn quận 7.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau bảy ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quy định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Thị Kim Em

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Trình tự, thủ tục lập, đăng ký và xác nhận
bản cam kết bảo vệ môi trường trên địa bàn quận 7
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 7)

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Phạm vi điều chỉnh

1.1. Quy định này hướng dẫn về trình tự thủ tục lập, đăng ký và xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung trên địa bàn quận 7.

1.2. Quy định này không áp dụng đối với các dự án đã đi vào vận hành (còn được gọi là cơ sở đang hoạt động), kể cả những cơ sở hoạt động từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà trước đó không thực hiện các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc không thực hiện các quy định về lập, đăng ký và xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến những nội dung nêu tại điểm 1.1 mục 1 Phần I của quy định này.

3. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường:

Khi lập bản cam kết bảo vệ môi trường, chủ dự án phải áp dụng các tiêu chuẩn môi trường bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường của Việt Nam; các tiêu chuẩn môi trường, quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

II. THẨM QUYỀN CẤP GIẤY XÁC NHẬN BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Ủy ban nhân dân quận xem xét, cấp giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường và bản cam kết môi trường bổ sung đối với các đối tượng tại mục 1 Phần I của Quy định này.

III. TRÌNH TỰ THỦ TỤC LẬP, ĐĂNG KÝ VÀ XÁC NHẬN BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường:

1.1. Chủ dự án các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình và đối tượng không thuộc quy định tại Điều 14 và Điều 18 của Luật Bảo vệ môi trường phải có bản cam kết bảo vệ môi trường.

1.2. Cấu trúc và yêu cầu về nội dung của bản cam kết bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 3 của Quy định này.

2. Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường:

2.1. Chủ dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đến Ủy ban nhân dân quận 7.

2.2. Thời điểm đăng ký, xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được quy định như sau:

a) Chủ dự án đầu tư khai thác khoáng sản đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường để được xác nhận trước khi xin cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Chủ dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc có các hạng mục xây dựng công trình đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường để được xác nhận trước khi xin cấp Giấy phép xây dựng, trừ các dự án quy định tại điểm a khoản này;

c) Chủ các dự án đầu tư không thuộc các đối tượng quy định tại các điểm a và b của khoản này đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường để được xác nhận trước khi khởi công dự án.

2.3. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn của 02 (hai) huyện trở lên, chủ dự án cần tiến hành đánh giá, so sánh và tự lựa chọn Ủy ban nhân dân cấp huyện có địa bàn quản lý chịu tác động lớn nhất bởi dự án để gửi hồ sơ đề nghị đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.

2.4. Số lượng và mẫu hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường được quy định như sau:

STT	Thành phần hồ sơ	Số tờ	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường	01	Theo mẫu Phụ lục 1
2	Bản cam kết bảo vệ môi trường	05	Theo mẫu Phụ lục 2 và 3
3	Bản dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo giải trình về đầu tư dự án	01	Do chủ đầu tư tự Thực hiện

3. Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường

3.1. Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường được thể hiện dưới hình thức giấy xác nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Quy định này.

Trường hợp dự án đầu tư nằm trên địa bàn của 02 (hai) huyện trở lên, Ủy ban nhân dân quận/huyện nhận được hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường có trách nhiệm gửi bản cam kết bảo vệ môi trường đến Ủy ban nhân dân của tất cả các quận/huyện khác có đất sử dụng cho dự án để lấy ý kiến trước khi cấp giấy xác nhận.

3.2. Cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường phải có giấy xác nhận vào mặt sau trang phụ bì của từng bản cam kết bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

3.3. Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa đủ điều kiện để xác nhận, Ủy ban nhân dân quận phải có văn bản chỉ rõ lý do gửi chủ dự án để tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường. Thời gian hoàn thiện hồ sơ của chủ dự án không tính vào thời hạn xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường quy định tại Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Trình tự giải quyết xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường:

- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản cam kết bảo vệ môi trường hợp lệ.

- Trình tự và thời gian giải quyết hồ sơ:

+ Tổ tiếp nhận và chuyển hồ sơ: 0,5 ngày.

+ Chuyển Tổ nghiệp vụ Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu theo thẩm quyền: 2,5 ngày.

Trong trường hợp cần xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân quận, ý kiến cơ quan ban, ngành khác thì lập thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức và Tổ tiếp nhận hồ sơ biết để gia hạn lại, nếu cần thì chuyển hồ sơ cho đương sự liên hệ các cơ quan, khi có văn bản trả lời thì quy trình lập lại từ đầu.

+ Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân quận trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận ký theo thẩm quyền: 01 ngày.

+ Nhập sổ, photo, đóng dấu, chuyển Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ lưu trữ và trả cho cá nhân hoặc tổ chức: 01 ngày.

4. Gửi hồ sơ xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường:

Ủy ban nhân dân quận nơi xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường có trách nhiệm gửi 01 (một) bản cam kết bảo vệ môi trường đã xác nhận kèm theo giấy xác nhận đến từng địa chỉ sau:

4.1 Chủ dự án để thực hiện;

4.2 Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh để báo cáo;

4.3 Ủy ban nhân dân của tất cả các quận/huyện khác có đất sử dụng cho dự án đối với trường hợp dự án nằm trên phạm vi từ 02 (hai) quận/huyện trở lên.

IV. TRÌNH TỰ THỦ TỤC LẬP, ĐĂNG KÝ VÀ XÁC NHẬN BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG:

1. Đối tượng phải lập đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung:

1.1. Dự án có một trong những thay đổi cơ bản về công nghệ hoặc quy mô, công suất hoặc địa điểm thực hiện; trường hợp việc thay đổi địa điểm của dự án xảy ra đồng thời với việc thay đổi cơ quan có thẩm quyền xác nhận, chủ dự án phải lập hồ sơ đăng ký xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường;

1.2. Sau 24 tháng, kể từ ngày bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, dự án mới được triển khai thực hiện.

2. Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung:

2.1. Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung phải được thể hiện theo đúng cấu trúc và đáp ứng yêu cầu về nội dung theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo

Quy định này và chủ dự án gửi hồ sơ bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung đến cơ quan đã cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó để được xem xét, xác nhận.

2.2. Thành phần hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường như sau:

STT	Thành phần hồ sơ	Số tờ	Ghi chú
01	Văn bản đề nghị xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường	01	Theo mẫu Phụ lục 4
02	Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận trước đó	01	Bản sao
03	Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó	01	Bản sao
04	Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung	5	Theo mẫu Phụ lục 2 và 5
05	Bản dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo giải trình về đầu tư dự án	01	Do chủ đầu tư tự thực hiện

3. Xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung:

3.1. Xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường bổ sung được tiến hành tương tự như việc xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó và được thể hiện dưới hình thức giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Quy định này.

3.2. Trình tự giải quyết xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung được tiến hành tương tự như việc xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường.

4. Gửi hồ sơ xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường

Việc gửi hồ sơ bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung đã xác nhận được thực hiện tương tự như việc gửi hồ sơ bản cam kết bảo vệ môi trường đã xác nhận trước đó của dự án.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường triển khai, tổ chức thực hiện; Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường phối hợp thực hiện Quy định này. Trong quá trình

thực hiện quy trình, nếu cần thay đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn thì việc thay đổi, bổ sung do Ủy ban nhân dân quận thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Thị Kim Em

Phụ lục 1
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

... (1) ...

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 7, ngày... tháng ... năm ...

V/v đề nghị xác nhận đăng ký
bản cam kết bảo vệ môi trường
của Dự án "... (2) ..."

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận 7

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ Dự án: "... (2) ...".

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến Ủy ban nhân dân quận 7 những hồ sơ sau:

- 01 (một) báo cáo đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật/dự án đầu tư/phương án sản xuất - kinh doanh hoặc tài liệu tương đương của Dự án;
- 05 (năm) bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án bằng tiếng Việt.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và quy định của các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là đúng sự thực và đang có hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban nhân dân quận 7 xem xét, đăng ký và cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu ...

... (3) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án;
- (2) Tên đầy đủ của dự án;
- (3) Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án.

Phụ lục 2
MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

... (tên cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án) ... (nếu có)

... (tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án) ...

BẢN CAM KẾT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của DỰ ÁN “...”

CƠ QUAN CHỦ DỰ ÁN (*)
(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ tên,
đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN
LẬP BẢN CAM KẾT (*)
(nếu có)
(Thủ trưởng cơ quan ký, ghi họ tên,
đóng dấu)

(Địa danh), tháng ... năm 200 ...

Ghi chú: (*) chỉ thể hiện ở trang phụ bìa

Phụ lục 3
CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên Dự án: (đúng như tên trong báo cáo đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật/phương án sản xuất - kinh doanh hoặc tài liệu tương đương của Dự án)

1.2. Tên cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ của cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.4. Người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail...).

II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mô tả vị trí địa lý (tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới) của địa điểm thực hiện dự án kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử...) và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án.

Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

III. QUY MÔ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Nêu tóm lược về quy mô/công suất sản xuất; công nghệ sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc kèm theo tình trạng của chúng.

IV. NHU CẦU NGUYÊN, NHIÊN LIỆU SỬ DỤNG

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp.

- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

V. CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

5.1. Các loại chất thải phát sinh:

5.1.1. Khí thải: ...

5.1.2. Nước thải: ...**5.1.3. Chất thải rắn: ...****5.1.4. Chất thải khác: ...**

(Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải và hàm lượng/nồng độ của từng thành phần)

5.2. Các tác động khác:

Nêu tóm tắt các tác động (nếu có) do: sự xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; sự biến đổi vi khí hậu; sự suy thoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.

V. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC**6.1. Xử lý chất thải:**

- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp xử lý tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải có chứng minh rằng, sau khi áp dụng biện pháp thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có những kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

6.2. Giảm thiểu các tác động khác:

Mỗi loại tác động phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả xử lý. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

VII. CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**7.1. Các công trình xử lý môi trường:**

- Liệt kê đầy đủ các công trình xử lý môi trường đối với các chất thải rắn, lỏng,

khí và chất thải khác trong khuôn khổ của dự án; kèm theo tiến độ thi công cụ thể cho từng công trình;

- Các công trình xử lý môi trường phải được làm rõ về chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết.

7.2. Chương trình giám sát môi trường:

Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và giám sát những thông số ô nhiễm đặc trưng cho chất thải của dự án theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam, với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần. Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

VIII. CAM KẾT THỰC HIỆN

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản cam kết; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chủ dự án

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Phụ lục 4
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v đề nghị xác nhận đăng ký
 bản cam kết bảo vệ môi trường
 bổ sung của Dự án "... (2) ..."

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận 7.

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ Dự án: "... (2) ...".

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến Ủy ban nhân dân quận 7 những hồ sơ sau:

- 01 (một) báo cáo đầu tư điều chỉnh/báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh/phương án sản xuất - kinh doanh điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương của Dự án;
- 05 (năm) bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án bằng tiếng Việt.
- 01 (một) bản sao bản cam kết bảo vệ môi trường đã xác nhận trước đó kèm theo 01 (một) bản sao (được chứng thực theo quy định của pháp luật) của Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường này.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên và cam kết rằng: Dự án của chúng tôi không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và quy định của các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định được trích lục và sử dụng trong các hồ sơ nêu trên của chúng tôi là đúng sự thực và đang có hiệu lực áp dụng.

Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban nhân dân quận 7 xem xét, đăng ký và cấp Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu ...

... **(3)** ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án; (2) Tên đầy đủ của dự án; (3) Thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án.

Phụ lục 5
CẤU TRÚC VÀ YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên Dự án: (Đúng như tên trong báo cáo điều chỉnh đầu tư/báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh/phương án sản xuất - kinh doanh điều chỉnh hoặc tài liệu tương đương của Dự án)

1.2. Tên cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ của cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.4. Người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với cơ quan, doanh nghiệp Chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail...).

II. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN

Chỉ mô tả lại địa điểm thực hiện Dự án theo quy định như đối với bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó của Dự án khi có sự thay đổi của các đối tượng tự nhiên, các đối tượng về kinh tế - xã hội và các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án chịu ảnh hưởng trực tiếp của Dự án, kèm theo sơ đồ vị trí địa lý thể hiện các đối tượng này, có chú giải rõ ràng.

Chỉ rõ đâu là nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

III. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN

3.1. Những thay đổi về quy mô/công suất sản xuất; công nghiệp sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc của dự án điều chỉnh kèm theo tình trạng của chúng.

3.2. Những thay đổi về nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo ngày, tháng hoặc năm và phương thức cung cấp; nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

IV. THAY ĐỔI VỀ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA DỰ ÁN (cho đến thời điểm lập bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

V. THAY ĐỔI VỀ CÔNG TRÌNH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN (cho đến thời điểm lập bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung)

VI. THAY ĐỔI KHÁC

VII. CAM KẾT THỰC HIỆN

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động tiêu cực khác nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung; cam kết xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam./.

Chủ dự án

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Phụ lục 6**MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án: “... (2) ...”

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số .../2008/TT-BTNMT ngày ... tháng ... năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ ...(3)... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của...(1)...;

Căn cứ Văn bản ...(*)... về việc ủy quyền tổ chức xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường...;

Theo đề nghị của Ông (Bà)...(4)...,

...(1)... XÁC NHẬN:

Điều 1. Chủ dự án là ...(5)... đã có Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án “...(2)...”.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. ...
2. ...
3. ...

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án và Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

... (6) ...

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
-
- Lưu ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (2) Tên đầy đủ của dự án;
- (3) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cấu tổ chức của ... (1) ...;
- (4) Người đứng đầu tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường của cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (5) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án;
- (6) Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (*) Tên đầy đủ của văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền ủy quyền cho (1) tổ chức xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.

Phụ lục 7
MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

của Dự án: “... (2) ...”

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số ... /2008/TT-BTNMT ngày ... tháng ... năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ ... (3) ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... (1) ...;

Căn cứ Văn bản ... (*) ... về việc ủy quyền tổ chức xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường ...,

Theo đề nghị của Ông (Bà) ... (4) ...,

... (1) ... XÁC NHẬN:

Điều 1. Chủ dự án là ... (5) ... đã có Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án “... (2) ...”.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. ...
2. ...
3. ...

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của Dự án, những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Giấy xác nhận này và bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận tại Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số ... (6) ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (7) ... của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký và đi kèm Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số ...(6) ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (7) ... của Dự án./.

... (8) ...

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
-
- Lưu ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (2) Tên đầy đủ của dự án;
- (3) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... (1) ...;
- (4) Người đứng đầu tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường của cơ quan cấp giấy xác nhận;
- (5) Tên cơ quan, doanh nghiệp chủ dự án;
- (6) Ký, mã hiệu của giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó của dự án;
- (7) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan đã ký giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường trước đó của dự án;

(8) Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan cấp giấy xác nhận;

(* Tên đầy đủ của văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền ủy quyền cho (1) tổ chức xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2009/QĐ-UBND

*Quận 9, ngày 18 tháng 5 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 9****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2008/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về lao động, người có công và xã hội;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 117/LĐTĐBXH ngày 27 tháng 3 năm 2009 và của Trưởng Phòng Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quyết định này kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 9.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2009.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Tám

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 9
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 9)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện), bảo hiểm thất nghiệp; an toàn lao động; người có công với nước; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới (gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội); thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; đề án, chương trình trong lĩnh vực lao động, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người có công với nước và xã hội; cải cách hành chính, xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành các văn bản về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình về lĩnh vực lao động, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người có công với nước và xã hội trên địa bàn quận sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực được giao.

3. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở dạy nghề, giới thiệu việc làm, cơ sở giáo dục lao động xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn quận theo phân cấp, ủy quyền.

5. Giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký dạy nghề; tổ chức quản lý, kiểm tra việc thực hiện các quy định về hoạt động dạy nghề của các cá nhân, tổ chức theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý đài tưởng niệm, các công trình ghi công liệt sỹ, quỹ đền ơn đáp nghĩa.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Ủy ban nhân dân phường trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội.

8. Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và các đối tượng chính sách xã hội. Tổ chức và hướng dẫn thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn quận.

9. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách về lao động, người có công và diện xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí trong hoạt động lao động, người có công với nước và xã hội theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

10. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội.

11. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

13. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

14. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có một Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

2. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng.

3. Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

4. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định bổ nhiệm theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật; việc miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác lao động - thương binh và xã hội trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể của cơ quan, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thành các Tổ chuyên môn, gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ chính sách lao động: việc làm, dạy nghề, tiền công, tiền lương, quản lý lao

động, hòa giải tranh chấp lao động, vệ sinh an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, bảo hộ lao động; quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

- Tổ chính sách xã hội: bảo trợ xã hội, bình đẳng giới, các phong trào toàn dân chăm sóc, hỗ trợ đối tượng chính sách xã hội; chính sách người có công với nước: hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với người có công, các phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công; quản lý đài tưởng niệm, các công trình ghi công liệt sỹ, quỹ đền ơn đáp nghĩa...;

- Tổ phòng, chống tệ nạn xã hội: mại dâm, ma túy (quản lý người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, người sau cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy);

- Tổ bảo vệ và chăm sóc trẻ em;

- Tổ xóa đói giảm nghèo và việc làm;

- Tổ tài chính, tài sản, kế toán tài vụ, thủ quỹ; thực hiện chi trả chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ;

- Tổ giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí trong hoạt động lao động, người có công và xã hội;

- Tổ kế hoạch, tổng hợp, thống kê, hành chính, văn thư lưu trữ; chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất; khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và một số công việc khác theo phân công của lãnh đạo Phòng.

Điều 5. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế hành chính của quận trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ

trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác cho từng thời kỳ.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với tổ chức và cá nhân có liên quan phải thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của các Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn quận:

Trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết các chế độ, chính sách về lao động, người có công và xã hội theo quy định của Nhà nước;

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn quận, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc quản lý hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị này theo quy định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách, chế độ, thể lệ về lao động, người có công với nước và xã hội trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân phường kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về lao động, người có công và xã hội tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể nhân dân xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và đối tượng chính sách xã hội. Giúp Ủy ban nhân dân phường phối hợp thực hiện tuyên truyền, giáo dục phòng, chống, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội trên địa bàn quận.

6. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội của quận:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp và hỗ trợ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt chế độ chính sách lao động, người có công và xã hội, tiếp nhận những phản ánh về tình hình các đối tượng để giải quyết kịp thời; phối hợp với các đoàn thể quần chúng vận động các đối tượng chính sách, phát huy truyền thống của dân tộc và truyền thống cách mạng để thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 10. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng phòng đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng Phòng Nội vụ quận./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thị Tám

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng